

HOSE

10/06/2014

VNINDEX 566.89 1.28 0.23%

KLGD 79,447,283 CP

GTGD 1,158.51 Tỷ

GTR NDTNN 39.78 Tỷ

CP Tăng giá 63 CP

CP Giảm giá 148 CP

CP Đứng giá 93 CP



HNX

10/6/2014

HNXINDEX 74.95 -0.66 -0.88%

KLGD 41,863,217 CP

GTGD 460.12 Tỷ

GTR NDTNN 19.00 Tỷ

CP Tăng giá 70 CP

CP Giảm giá 129 CP

CP Đứng giá 180 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 608.59 -2.33 -0.38%

HNX30 149.58 -1.90 -1.26%

Tâm điểm

► **Nhóm cổ phiếu đầu cơ bị bán mạnh, chỉ số 2 sàn đóng cửa trái chiều**

► **Thanh khoản thị trường sụt giảm mạnh**

Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 1,600 tỷ đồng

► **Hơn 75% doanh nghiệp dự kiến lãi trước thuế 2014 cao hơn năm trước**

Theo Báo cáo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp (DN) năm Công Lý

► **Giá cả chịu áp lực tăng nhẹ trong tháng 6**

Theo dự báo của Cục Quản lý giá- Bộ Công thương
Người Đồng Hành

► **Lạm phát Trung Quốc tăng nhanh trong tháng 5**

CPI năm của Trung Quốc tăng 2.5% trong tháng 5, nhanh hơn mức 1.8% của tháng 4 DVO/CNBC

► **KLK: Lợi nhuận 6 tháng đầu năm ước đạt 50 tỷ đồng**

KLK đã tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận gần 830% với cùng kỳ năm trước Đầu tư Chứng khoán

► **PVS: 5 tháng, lợi nhuận trước thuế ước đạt 674.7 tỷ đồng**

Tăng 31.2% so với cùng kỳ năm trước
Trí Thức Trẻ

Thị trường / Ngành

Vốn hóa (tỷ)

P/E

P/B

ROE

ROA

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,004,863	13.6	3.1	20.7%	11.0%
HNX	122,501	17.3	1.6	7.0%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,127,364	15.9	2.9	19.5%	10.3%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	
Nhựa, cao su & sợi	7,106	5.9	0.9	15.8%	10.7%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,746	7.1	1.5	21.1%	15.3%	
Thép và sản phẩm thép	35,560	19.3	2.0	18.1%	7.7%	
Khai khoáng	11,903	54.4	5.0	1.8%	1.2%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,644	16.2	1.3	11.9%	8.5%	
Xây dựng	27,933	-	39.0	1.0	-5.9%	1.4%
Máy công nghiệp	7,657	5.9	1.3	21.2%	14.6%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,639	12.9	1.4	16.4%	12.5%	
Lốp xe	6,756	8.2	2.2	29.1%	12.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	15,056	9.3	1.2	14.5%	6.4%	
Thực phẩm	200,728	22.9	4.8	21.3%	16.5%	
Dược phẩm	15,217	12.1	3.1	25.4%	16.8%	
Phần mềm	15,750	9.7	2.0	22.1%	9.6%	
Sản xuất & phân phối điện	24,932	-	6.7	1.2	-4.9%	3.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	203,036	17.0	5.4	32.9%	22.1%	
Bảo hiểm nhân thọ	27,083	22.0	2.2	10.0%	2.3%	
Môi giới chứng khoán	24,532	13.3	1.3	8.3%	6.3%	
Ngân hàng	240,967	10.9	1.2	11.1%	0.9%	
Bất động sản	134,138	11.4	2.4	28.1%	6.9%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,923	9.4	1.9	20.5%	8.5%	

Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu

Hai Bà Trưng

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Hơn 75% doanh nghiệp dự kiến lãi trước thuế 2014 cao hơn năm trước

► Tin kinh tế

Theo Báo cáo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp (DN) năm 2014 của Tổng cục Thống kê, hơn 75% số DN dự kiến lợi nhuận trước thuế cao hơn năm trước, chỉ có 6% số DN dự kiến lợi nhuận năm 2014 bằng năm 2013 và 19% DN dự kiến lợi nhuận giảm. Với kết quả năm trước, tỷ lệ DN có lợi nhuận trước thuế năm 2013 cao hơn 2012 đạt 46%; 11% số DN có lợi nhuận bằng năm 2012 và có tới 43% số DN có lợi nhuận giảm. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng hầu hết các DN đều lạc quan về triển vọng phục hồi và phát triển hơn trong năm 2014.

Giá cả chịu áp lực tăng nhẹ trong tháng 6

Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính) dự báo thị trường hàng hóa và dịch vụ có thể chịu áp lực tăng giá nhẹ trong tháng 6/2014. Yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến giá cả trong tháng 6 là việc Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh tăng giá dịch vụ khám, chữa bệnh tại cơ sở khám chữa bệnh của nhà nước kể từ ngày 1/6. Do đây là địa phương có quyền số tính chỉ số giá tiêu dùng lớn nên sẽ tác động đến chỉ số giá tiêu dùng cả nước. Bên cạnh đó, thời tiết tiếp tục nắng nóng, nhu cầu tiêu dùng đối với một số mặt hàng may mặc, mũ nón, giày dép, đồ uống và đồ dùng gia đình phục vụ mùa hè; nhu cầu sử dụng điện, nước sinh hoạt; nhu cầu giải trí, du lịch và hàng hóa, dịch vụ phục vụ du lịch... có khả năng sẽ tăng. Ngoài ra, tình hình Biển Đông cũng có thể gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu và giá một số hàng hóa.

Lạm phát Trung Quốc tăng nhanh trong tháng 5

Số liệu công bố ngày 10/6 cho thấy, lạm phát hàng năm của Trung Quốc tăng 2.5% trong tháng 5, nhanh hơn so với 1.8% của tháng 4 và chỉ nhỉnh hơn so với dự báo 2.4% của các chuyên gia trong khảo sát của Reuters. Donna Kwok, chuyên gia kinh tế cấp cao tại UBS, cho biết, điều đặc biệt là giá thịt lợn bắt đầu tăng trở lại nhờ chương trình dự trữ của chính phủ. Ngược lại, giá sản xuất trong tháng 5 giảm 1.4% so với cùng kỳ năm ngoái và thấp hơn so với mức giảm dự đoán là 1.5%. Trước số liệu lạm phát, các chuyên gia cho rằng, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc nên nới lỏng hơn nữa chính sách tiền tệ vào cuối năm 2014 để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

KLF: Lợi nhuận 6 tháng đầu năm ước đạt 50 tỷ đồng

► Tin doanh nghiệp

Theo thông tin từ CTCP Đầu tư Liên doanh Quốc tế KLF (HNX: KLF), quý 2/2014, KLF ước đạt 25 tỷ đồng lợi nhuận. Kết quả này gấp khoảng 9.3 lần so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm, tổng lợi nhuận của KLF đạt xấp xỉ 50 tỷ đồng, đạt tốc độ tăng trưởng xấp xỉ 830% so với nửa đầu năm trước. Năm 2013, KLF đạt trên 391 tỷ đồng doanh thu, lãi sau thuế 34.5 tỷ đồng, tăng gần 8% so với kế hoạch lợi nhuận năm là 32 tỷ đồng. Năm 2014, KLF đặt mục tiêu 900 tỷ đồng doanh thu, 82 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tương đương mức tăng trưởng 138% về kế hoạch lợi nhuận. Được biết, theo tờ trình ĐHCĐ thường niên năm 2014, KLF dự kiến sẽ tăng vốn điều lệ lên 1.480 tỷ đồng thông qua việc chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1.

PVS: 5 tháng, lợi nhuận trước thuế ước đạt 674.7 tỷ đồng

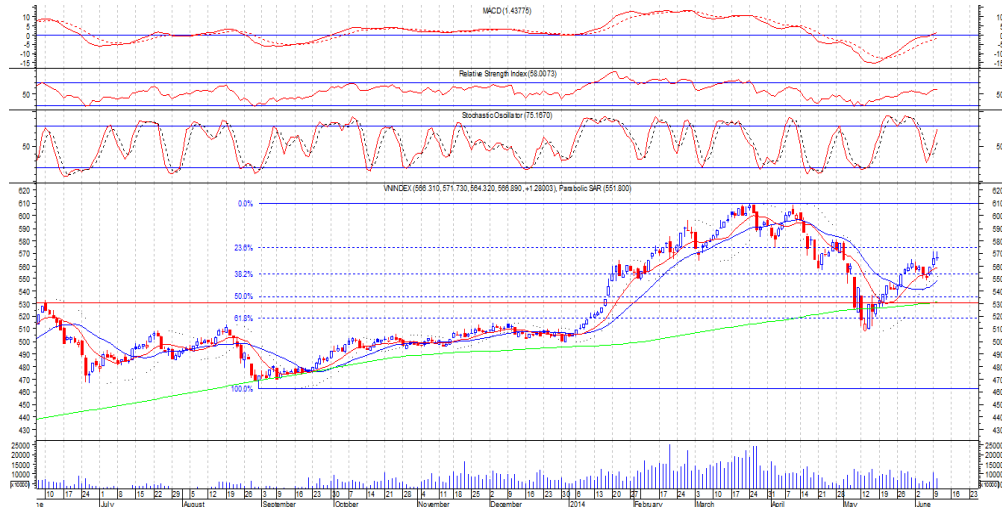
Theo thông tin từ TCT CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (HNX: PVS), đến hết tháng 5, doanh thu hợp nhất của toàn Tổng công ty đạt 9,985 tỷ đồng - tăng 9.5% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 674.7 tỷ đồng - tăng 31.2% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 5/2014, đội tàu PTSC hoạt động đạt hiệu suất hơn 99%. Nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ các nhu cầu dịch vụ của khách hàng, Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí còn thuê thêm 58 tàu dịch vụ thực hiện 37.800 giờ làm việc an toàn. Được biết, trong quý 1/2014, do lãi gộp giảm so với cùng kỳ nên PVS đạt lãi trước thuế 325 tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ năm 2013.

HTL: Lợi nhuận kế hoạch 2014 giảm 18.3%

CTCP Kỹ thuật & Ô tô Trường Long (HOSE: HTL) đã tổ chức ĐHCĐ thường niên 2014 vào ngày 6/6 vừa qua. Theo Nghị quyết của đại hội, HTL đặt mục tiêu doanh thu 595.886 tỷ đồng, (tăng 1.45% so với cùng kỳ), lãi sau thuế đạt 17.24 tỷ đồng giảm 18.3%. Tuy nhiên cổ tức vẫn giữ nguyên ở mức 20% của năm 2013, tương đương 16 tỷ đồng tiền mặt. Được biết, quý 1/2014, doanh của HTL đạt 110.7 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 5.5 tỷ đồng. Trong một tháng qua, giá cổ phiếu HTL đóng cửa dao động trong biên độ 15,000 – 22,900 đồng/cp, khối lượng giao dịch bình quân là 1,056 đơn vị, trị GTGD là 18.2 triệu đồng/phiên.

HOSE 10/06/2014 VNINDEX 566.89 1.28 0.23% 79,447,283 CP 1,158.51 bil VND

Nhóm cổ phiếu đầu cơ bị bán mạnh, chỉ số 2 sàn đóng cửa trái chiều
 VN-Index tăng 1.28 điểm (+0.23%), đóng cửa tại mức 566.89 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, chỉ số này giao dịch khá giằng co.
 - MACD tiếp tục gia tăng và cắt lên đường zero - base.
 - Stochastic Oscillator gia tăng nhưng đã tăng đang yếu đi.
 - RSI (14) gia tăng nhẹ lên mức 58.
 - VN-Index đang có xu hướng tích lũy đi ngang ở vùng điểm 550 - 570 điểm, tương đương với mức Fb 38,2%.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.6 (-5.5%)	13,865,330
HAG	0.2 (0.8%)	5,715,500
SSI	-1 (-3.9%)	4,801,900
HQC	-0.2 (-2.8%)	3,723,180
ITA	-0.2 (-2.5%)	2,232,240

HOSE Top 5 theo % tăng

TSC	1.6 (6.9%)	81,200
TMS	2.3 (6.9%)	10
HT1	0.8 (6.6%)	1,926,940
CTI	0.7 (6.6%)	40
HLG	0.3 (6.4%)	260

HOSE Top 5 theo % giảm

KSA	-0.6 (-7.3%)	856,040
AGR	-0.5 (-6.9%)	1,250,960
HHS	-2.4 (-6.9%)	33,620
HAP	-0.6 (-6.9%)	306,830
VLF	-0.4 (-6.7%)	10

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

DIG	6,7 tỷ	402,700
STB	6,1 tỷ	302,910
HPG	4,7 tỷ	94,180
VIC	4,7 tỷ	71,290
BVH	4,6 tỷ	116,910

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-10,3 tỷ	417,970
EIB	-3,8 tỷ	284,400
VHC	-1,1 tỷ	35,910
VCB	-0,8 tỷ	29,200
CII	-0,8 tỷ	43,200

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,832,670	39.78

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Lực bán tiếp tục lớn dần, nhóm CP vốn hóa lớn tăng điểm tạo trụ đỡ cho TT. Tuy nhiên số mã giảm điểm vẫn chiếm áp đảo, dù VN-Index xanh nhẹ.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 78 triệu đơn vị. Nhà đầu tư vẫn đang khá thận trọng với diễn biến TT hiện nay khi những tin tức hỗ trợ chưa thực sự rõ ràng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 39 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại tiếp tục mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường.
- ▶ Chúng tôi cho rằng VN-Index vẫn đang nhịp tích lũy vùng 550 - 570 điểm. Nếu thanh khoản tiếp tục duy trì tốt thì kỳ vọng VN-Index bứt phá vùng này sẽ lớn dần.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, nhóm CP chứng khoán được ưu tiên. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	107.0	202,765.00	17.5	5.6	33.4%	22.6%
VNM	833.4	122.0	101,679.35	16.2	5.5	36.4%	29.1%
MSN	734.9	98.5	72,388.77	215.0	4.8	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	28.6	66,278.13	15.2	1.5	10.4%	1.0%
VIC	894.2	65.5	58,572.75	7.9	3.8	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.5	53,989.37	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.7	41,324.68	8.8	1.2	14.2%	0.8%
BVH	680.5	39.3	26,742.53	22.0	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	50.0	24,095.41	10.4	2.4	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.2	23,078.73	10.5	1.4	13.5%	1.3%

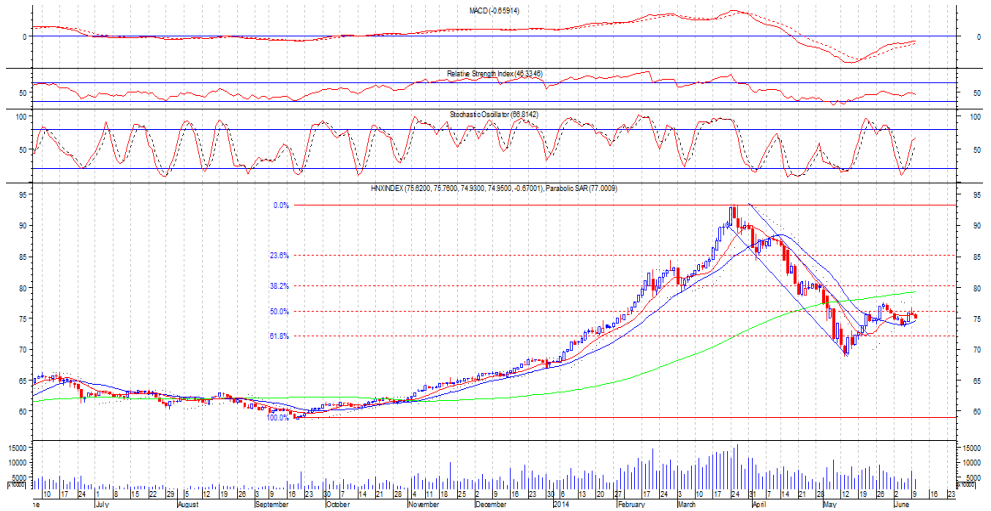
HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.3	3,093.58	12.8	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	44.9	15,440.85	9.6	2.0	NA	TH.DOI
CII	112.9	17.9	2,020.22	14.3	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.5	3,115.28	8.6	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.7	710.78	5.2	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.4	508.02	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 10/06/2014 HNX-Index 74.95 -0.66 -0.88% 41,863,217 CP 460.12 bil. VND

Nhóm cổ phiếu đầu cơ bị bán mạnh, chỉ số 2 sàn đóng cửa trái chiều

Chỉ số HNX-Index giảm 0.66 điểm (-0.88%), đóng cửa tại mốc 74.95 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ thân ngắn, HNX-Index gần như giảm điểm cả phiên.
 - Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng nhưng đà tăng không còn mạnh mẽ.
 - MACD đi ngang và vẫn chưa cắt đường zero - base.
 - RSI (14) giảm nhẹ xuống mức mức 46.
 - HNX-Index đang có xu hướng giao dịch tích lũy ở vùng Fb 50% và MA20.



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	-0.2 (-1.8%)	6,446,900
KLS	-0.7 (-5.8%)	4,784,430
SCR	0 (0.0%)	3,835,920
PVS	0.3 (1.2%)	3,159,020
SHS	-0.1 (-1.2%)	2,482,110

HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
KST	0.8 (11.3%)	-
CTB	3 (10.0%)	200
VTL	1.1 (9.6%)	1,400
PIV	0.4 (8.9%)	24,700

HNX Top 5 theo % giảm

ECI	-2.2 (-10.0%)	200
HLY	-1.1 (-10.0%)	1,200
HST	-0.7 (-10.0%)	100
SSG	-0.3 (-10.0%)	100
TST	-0.5 (-10.0%)	4,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	9,5 tỷ	361,600
FIT	4,5 tỷ	317,100
VND	1,7 tỷ	115,000
VCG	1,5 tỷ	117,689
SHB	1,2 tỷ	139,600

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

KLS	-1,6 tỷ	132,000
PVL	-0,4 tỷ	123,000
EFI	-0,1 tỷ	18,400
VNR	-0,1 tỷ	4,000
KHL	0,0 tỷ	11,100

GD NDTNN KL Ròng GT Ròng (tỷ)

HNX	1,003,189	19.00
-----	-----------	-------

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Lực bán tiếp tục lớn dần ở phiên hôm nay, số mã giảm điểm vẫn chiếm áp đảo, HNX-Index gần như giảm điểm cả phiên hôm nay.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 41 triệu đơn vị. Việc khối lượng không duy trì được ở mức cao cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn đang rất thận trọng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 18,6 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại gia tăng lượng mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường.
- ▶ Chúng tôi cho rằng HNX-Index vẫn đang nhịp tích lũy vùng 74 - 76 điểm. Nếu thanh khoản tiếp tục duy trì tốt thì kỳ vọng HNX-Index bứt phá vùng này sẽ lớn dần.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, nhóm CP chứng khoán được ưu tiên. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.6	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	26.3	11,748.22	7.6	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.8	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	12.5	5,521.38	12.5	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	36.0	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.5	4,170.16	14.7	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	40.6	3,159.98	7.0	2.2	33.5%	17.5%
NTP	56.3	53.0	2,985.99	9.7	2.2	23.8%	16.0%
VNR	100.8	26.0	2,621.52	7.4	1.1	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.7	1,052.60	6.9	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.5	366.30	7.0	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	14.6	1,415.27	10.4	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.0	2,985.99	9.7	2.2	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.2	760.00	9.1	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.0	299.25	6.1	1.4	NA	TH.DOI

Nguyet A. Vu
nguyetva@vietinbanksc.com.vn

Mã CK SBT
Tên công ty Mía đường Tây Ninh
Sở giao dịch HOSE
Ngành Mía đường
SLCPLH 143.486 triệu CP
GTVH (tỷ) 1,736 tỷ VND

Giá hiện tại **12.1**
Giá mục tiêu **10.8** **BÁN**



Với diễn biến thị trường như hiện nay cùng với kết quả kinh doanh Q1, DTT 2014 của SBT ước đạt 2,146 tỷ đồng, LNST là 142 tỷ đồng, lần lượt giảm 3.3% và 40.5% so với kết quả năm 2013.

Kết thúc Q1/2014, tiền và tương đương tiền giảm 76% so với đầu kỳ, còn 67 tỷ đồng. Trong khi đó, các khoản đầu tư tăng mạnh, đặc biệt là đầu tư NH tăng gần 150% khiến tổng tài sản tăng 21% lên 3,917 tỷ đồng.

Vay nợ NH tăng 60.8% so với thời điểm cuối năm 2013 là nguyên nhân chính khiến hệ số D/E của SBT tăng, hiện ở mức 1.09x, nhưng vẫn thấp hơn so với trung bình ngành (1.28x). Theo mức LNST dự báo, EPS năm 2014 là 1,037 đồng, giảm 40% so với năm 2013.

Theo phương pháp định giá so sánh nhiều chỉ số, mức giá hợp lý của SBT là 10.800 đồng/CP, thấp hơn 10.7% so với mức giá hiện tại, khuyến nghị "BÁN" đối với CP SBT.

► SBT: LNTT Q1/2014 đạt 34 tỷ đồng (-44% y-o-y), tương ứng đạt 21% kế hoạch năm.

SBT là doanh nghiệp sản xuất đường lớn nhất khu vực Đông Nam Bộ. Sản phẩm chính là đường RE, phục vụ cho sản xuất công nghiệp nên giá ít biến động hơn so với đường RS. Nhóm khách hàng công nghiệp bao gồm các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm, nước giải khát như Pepsi, Vinamilk...chiếm đến 90% tổng doanh thu, còn lại là từ hoạt động bán lẻ.

Giá bán giảm 12% khiến lợi nhuận từ bán hàng giảm còn 21.4 tỷ đồng. Theo đó, DTT Q1/2014 của SBT đạt 452.2 tỷ đồng (-9.5% y-o-y). Giá vốn/DTT chiếm gần 90% khiến LN gộp chỉ đạt 47.9 tỷ đồng (-30.4% y-o-y). 6 tháng đầu năm 2014, SBT dự kiến DT đạt 1,015 tỷ đồng, LNTT là 60 tỷ đồng, như vậy với LNTT đạt được trong Q1 là 34 tỷ đồng, công ty đã hoàn thành 56.5% kế hoạch đề ra.

Từ đầu tháng 5/2014, Chính sách khuyến khích điện sinh khối với mức giá tăng 45% lên 5.8 cent/kWh chính thức có hiệu lực sẽ giúp SBT có thể thu về khoảng 115 đến 120 tỷ đồng doanh thu điện mỗi năm. Bên cạnh đó, dự án Ethanol dự kiến đi vào hoạt động năm 2015 cũng đang được đẩy mạnh đầu tư, giúp đa dạng hóa nguồn thu cho SBT.

Nhìn chung các doanh nghiệp mía đường vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm do năng lực sản xuất, giá thành kém cạnh tranh cũng như sự mất cân đối trong cung cầu thị trường. Theo đó, SBT đặt KHKD 2014 trên cơ sở thận trọng và đảm bảo tính khả thi, sản lượng đường tiêu thụ kế hoạch tăng nhẹ 1.35%, tương ứng là 130,000 tấn, TDT là 2,096 tỷ đồng, LNTT là 160 tỷ đồng, lần lượt giảm 5.6% và 41.9% so với kết quả đạt được năm 2013.

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

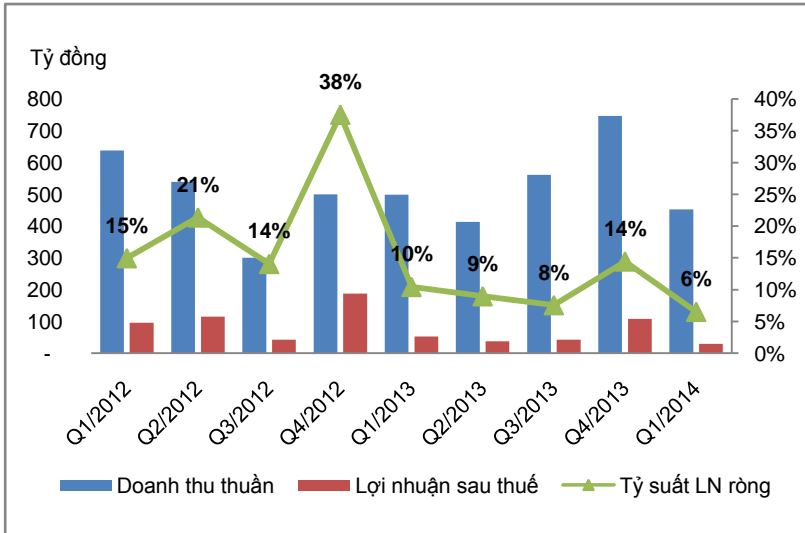
	12Q4	13Q1	13Q2	13Q3	13Q4	14Q1
Doanh thu	500	499	413	561	746	452
Lợi nhuận gộp	79	69	53	61	97	48
Lợi nhuận kinh doanh	54	52	29	35	60	25
Lợi nhuận trước thuế	235	61	41	48	126	34
Lãi ròng	188	52	37	42	108	29
Tiền và tương đương tiền	111	110	36	23	278	67
Tài sản khác	2,619	3,126	3,173	2,925	2,972	3,850
Tổng tài sản	2,730	3,236	3,209	2,948	3,250	3,917
Công nợ	964	1,458	1,556	1,187	1,409	2,047
Vốn chủ sở hữu	1,766	1,778	1,653	1,761	1,841	1,870

Mã CK	SLCPLH	Giá	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Một số công ty cùng lĩnh vực hoạt động							
BHS	63.0	12.0	755.94	793	15.1	0.9	1.90
HAG	718.2	24.0	17,235.71	1,691	14.2	1.3	1.28
KTS	5.1	16.8	85.18	2,096	8.0	0.7	0.59
LSS	50.0	10.8	540.00	746	14.5	0.4	0.99
NHS	60.8	11.7	710.78	2,256	5.2	0.8	1.26
SBT	143.5	12.1	1,736.18	1,551	7.8	0.9	1.09
SEC	38.3	12.0	459.53	876	13.7	1.3	1.18
SLS	6.8	26.2	178.16	7,177	3.7	0.9	0.63

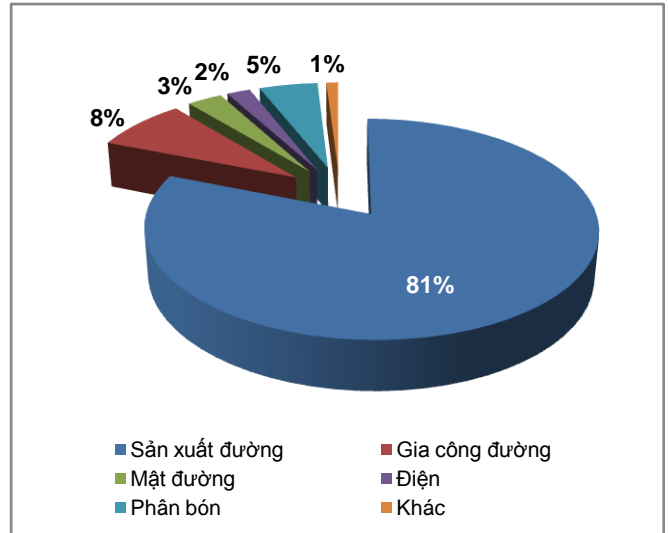
Chỉ số bình quân ngành

Mía đường	21,860.00	1,626	12.3	1.2	1.28
-----------	-----------	-------	------	-----	------

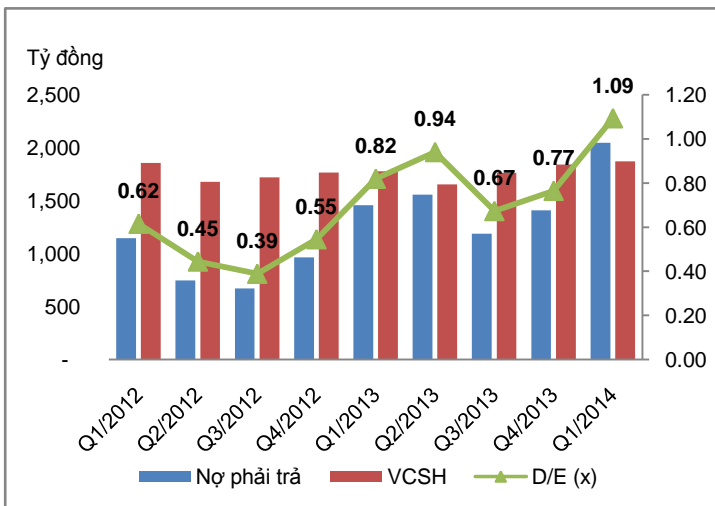
► Tăng trưởng DT/LNST



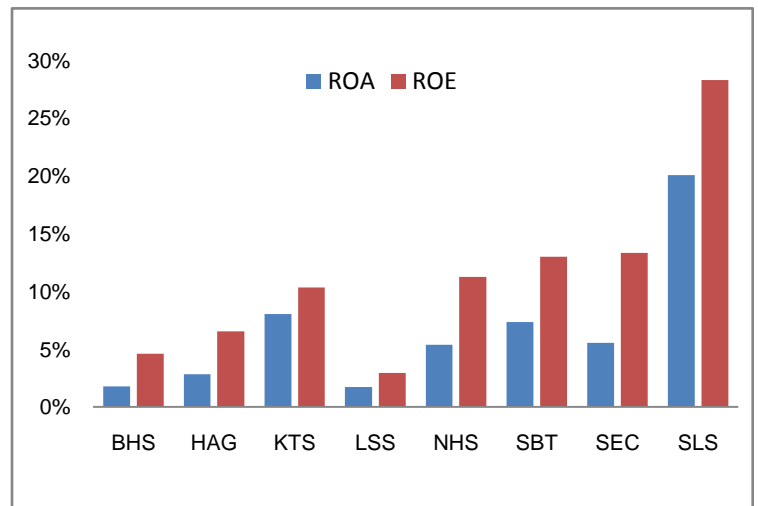
► Cơ cấu doanh thu 2013



► Cơ cấu Nợ phải trả/VCSH



► Tỷ suất sinh lời của các DN trong ngành 2013



KQKD	2010	2011	2012	2013
Doanh thu thuần	1,104	2,050	1,961	2,220
Giá vốn hàng bán	(720)	(1,447)	(1,591)	(1,939)
Lãi gộp	384	603	370	281
Chi phí bán hàng	(17)	(25)	(40)	(49)
Chi phí quản lý	(26)	(38)	(57)	(64)
Lợi nhuận hoạt động	341	540	273	168
Chi phí khác (ròng)	0	2	8	5
- Thu nhập khác	1	7	20	9
- Chi phí khác	(1)	(5)	(12)	(4)
EBIT	341	542	281	173
Chi phí tài chính (ròng)	29	29	141	103
- Thu nhập tài chính	54	129	313	155
- Chi phí tài chính	(25)	(100)	(172)	(52)
+ Chi phí lãi vay	(20)	(49)	(75)	(96)
LNR trước thuế	370	571	422	275
Thuế TNDN	(25)	(18)	(52)	(36)
LNR sau thuế	345	553	370	239
Lợi ích thiểu số	-	-	-	-
LNR sau lợi ích thiểu số	345	553	370	239

BÁO CÁO DÒNG TIỀN	2010	2011	2012	2013
LNR sau lợi ích thiểu số	35	55	37	24
Điều chỉnh				
+ Khấu hao	922	79	80	77
+ Dự phòng	39	23	98	(45)
+ Lợi ích thiểu số	-	-	-	-
+ Đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
+ Chi phí tài chính ròng	(31)	(31)	(159)	(116)
Tiền từ hoạt động k.doanh	867	475	202	68
- Tăng đầu tư máy móc	(1,602)	(52)	(73)	(69)
- Tăng đầu tư TCSD	-	-	-	-
- Tăng đầu tư TC ng.hạn	(152)	14	(161)	127
- Tăng đầu tư TC d.hạn	(348)	(249)	67	(241)
- Tăng khác	(105)	(1)	38	60
Tiền từ hoạt động đầu tư	(2,208)	(287)	(129)	(124)
Tiền tự do	(1,341)	188	73	(55)
- Cổ tức đã trả	31	(415)	(486)	(235)
Tiền sau trả cổ tức	(1,310)	(227)	(413)	(290)
+ Tăng góp vốn cổ phần	1,419	-	-	66
+ Tăng góp vốn khác	-	-	8	7
+ Tăng khác	(6)	6	-	-
- Tăng cổ phiếu quỹ	-	(139)	10	68
+ Tăng nợ	23	323	418	317
Tiền từ hoạt động t.chính	1,467	(225)	(51)	223
Tiền trước ch.lịch t.giá	126	(38)	22	167
+ Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-
Dòng tiền mặt ròng	126	(38)	22	167
Tiền mặt đầu kỳ	-	126	89	111
Tiền mặt cuối kỳ	126	89	111	278

BẢNG CÂN ĐỐI	2010	2011	2012	2013
Tài sản lưu động	839	1,009	1,421	1,856
Tiền và tương đương	126	89	111	278
Đầu tư t.chính ng.hạn	140	125	202	119
Các khoản phải thu	274	512	730	1,175
Tồn kho	292	280	339	231
Tài sản lưu động khác	7	3	39	53
Tài sản cố định / dài hạn	1,118	1,314	1,213	1,394
Phải thu dài hạn	100	100	55	-
Đầu tư t.chính dài hạn	332	555	500	749
Máy móc, thiết bị (ròng)	626	616	583	579
Máy móc, thiế bị (d.dang)	54	37	63	59
Đầu tư BĐS dài hạn	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	5	6	13	8
TỔNG TÀI SẢN	1,957	2,323	2,634	3,250
Công nợ	167	529	939	1,409
Nợ ngắn hạn	141	504	889	1,331
Nợ dài hạn	26	25	49	78
Vốn chủ sở hữu	1,790	1,794	1,696	1,841
Vốn góp CSH	1,419	1,419	1,419	1,485
Các quỹ	29	46	129	185
Lợi nhuận chưa p.phối	347	468	269	218
Khác	(6)	(139)	(122)	(47)
Lợi tích cổ đông thiểu số	-	-	-	-
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	1,957	2,323	2,634	3,250

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2010	2011	2012	2013
Tăng trưởng				
Doanh thu thuần		86%	-4%	13%
Lợi nhuận gộp		57%	-39%	-24%
Lợi nhuận ròng		60%	-33%	-35%
Tổng tài sản		19%	13%	23%
Vốn chủ sở hữu		0%	-5%	9%
Khả năng thanh toán				
Nợ ngắn hạn	5.95	2.00	1.60	1.39
Thanh toán nhanh	3.88	1.44	1.22	1.22
Tiền mặt	1.89	0.42	0.35	0.30
Hoạt động				
Vòng quay tiền mặt	8.73	23.11	17.72	7.99
Vòng quay khoản p.thu	13.63	11.34	7.43	11.74
Vòng quay tồn kho	2.47	5.16		
Đòn bẩy tài chính				
Nợ/Tổng tài sản	8.5%	22.8%	35.6%	43.4%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.09	0.29	0.55	0.77
Hệ số trả chỉ phí lãi vay	15.64	6.73	3.46	6.29
Khả năng sinh lợi				
Tỷ suất lãi gộp	34.8%	29.4%	18.9%	12.7%
Tỷ suất lãi hoạt động	30.9%	26.3%	13.9%	7.6%
Tỷ suất lãi ròng	31.3%	27.0%	18.9%	10.8%
Lợi nhuận/Tổng tài sản	17.6%	23.8%	14.1%	7.4%
Lợi nhuận/Vốn CSH	19%	31%	22%	13%
Tiền HĐKD/Tổng TS	44%	20%	8%	2%
Chỉ số khác				
Lợi nhuận/Cổ phiếu	2.44	4.03	2.89	1.74
Giá trị sổ sách/CP	12.67	13.07	13.24	13.43

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,388.77	15.35%	98.5	214.99	4.82	185,529	155,008	339,191
VIC	HOSE	894.2	58,572.75	14.46%	65.5	7.94	3.80	175,108	236,975	527,079
HPG	HOSE	481.9	24,095.41	11.74%	50.0	10.38	2.38	352,193	465,944	806,159
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	8.68%	83.0	10.66	2.21	242,580	250,470	463,215
DPM	HOSE	379.9	12,157.90	8.01%	32.0	6.46	1.40	1,005,047	1,099,231	1,457,326
HAG	HOSE	718.2	17,379.34	7.98%	24.2	14.19	1.30	1,946,669	2,715,302	3,604,724
VCB	HOSE	2,317.4	66,278.13	6.11%	28.6	15.15	1.52	360,688	502,644	773,450
STB	HOSE	1,142.5	23,078.73	4.13%	20.2	10.54	1.39	2,141,659	1,514,388	1,134,488
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	3.08%	39.3	21.98	2.16	287,311	420,257	495,893
ITA	HOSE	718.0	5,672.25	2.71%	7.9	102.44	0.74	4,439,970	5,439,034	8,543,974
HSG	HOSE	96.3	4,141.46	2.68%	43.0	10.32	1.83	77,675	157,147	204,007
GMD	HOSE	114.4	3,775.92	2.26%	33.0	123.55	0.84	379,047	354,486	391,512
PPC	HOSE	318.2	6,522.17	2.03%	20.5	7.35	1.19	345,233	424,134	798,119
VSH	HOSE	206.2	3,299.86	1.74%	16.0	15.55	1.25	323,261	446,130	744,682
CSM	HOSE	67.3	2,732.06	1.64%	40.6	7.37	2.11	277,518	279,333	541,713
KBC	HOSE	389.8	4,131.46	1.48%	10.6	24.49	0.84	734,621	754,143	1,113,550
DRC	HOSE	83.1	3,580.48	1.33%	43.1	9.37	2.45	140,778	146,212	311,444
PVT	HOSE	232.6	3,093.58	1.18%	13.3	12.80	1.08	508,498	622,364	1,306,567
DIG	HOSE	143.0	2,359.43	1.01%	16.5	43.77	0.98	218,903	260,727	556,695
OGC	HOSE	300.0	3,120.00	0.91%	10.4	47.68	1.01	1,149,211	1,454,346	2,949,864
PET	HOSE	69.8	1,047.63	0.87%	15.0	6.90	0.82	391,093	407,303	633,867

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,748.22	5.37%	26.3	7.64	1.36	1,364,958	1,390,019	2,704,055
VIC	HOSE	894.2	58,572.75	8.00%	65.5	7.94	3.80	175,108	236,975	527,079
VCB	HOSE	2,317.4	66,278.13	7.00%	28.6	15.15	1.52	360,688	502,644	773,450
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	6.50%	39.3	21.98	2.16	287,311	420,257	495,893
DPM	HOSE	379.9	12,157.90	5.79%	32.0	6.46	1.40	1,005,047	1,099,231	1,457,326
STB	HOSE	1,142.5	23,078.73	4.26%	20.2	10.54	1.39	2,141,659	1,514,388	1,134,488
PVD	HOSE	275.3	22,846.42	3.22%	83.0	10.66	2.21	242,580	250,470	463,215
ITA	HOSE	718.0	5,672.25	3.73%	7.9	102.44	0.74	4,439,970	5,439,034	8,543,974
SHB	HNX	886.1	7,797.53	2.86%	8.8	9.76	0.75	4,906,784	5,743,618	8,838,965
PPC	HOSE	318.2	6,522.17	1.58%	20.5	7.35	1.19	345,233	424,134	798,119
OGC	HOSE	300.0	3,120.00	2.33%	10.4	47.68	1.01	1,149,211	1,454,346	2,949,864
GMD	HOSE	114.4	3,775.92	1.62%	33.0	123.55	0.84	379,047	354,486	391,512
MSN	HOSE	734.9	72,388.77	8.00%	98.5	214.99	4.82	185,529	155,008	339,191
HAG	HOSE	718.2	17,379.34	2.83%	24.2	14.19	1.30	1,946,669	2,715,302	3,604,724
DRC	HOSE	83.1	3,580.48	1.28%	43.1	9.37	2.45	140,778	146,212	311,444
VCG	HNX	441.7	5,521.38	3.58%	12.5	12.48	1.00	2,073,150	2,244,907	2,706,407
PVT	HOSE	232.6	3,093.58	2.05%	13.3	12.80	1.08	508,498	622,364	1,306,567

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	58,572.75	0.00%	65.5	7.94	3.80	175,108	236,975	527,079
MSN	HOSE	734.9	72,388.77	0.00%	98.5	214.99	4.82	185,529	155,008	339,191
DPM	HOSE	379.9	12,157.90	0.00%	32.0	6.46	1.40	1,005,047	1,099,231	1,457,326
HAG	HOSE	718.2	17,379.34	0.00%	24.2	14.19	1.30	1,946,669	2,715,302	3,604,724
VCB	HOSE	2,317.4	66,278.13	0.00%	28.6	15.15	1.52	360,688	502,644	773,450
STB	HOSE	1,142.5	23,078.73	0.00%	20.2	10.54	1.39	2,141,659	1,514,388	1,134,488
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	0.00%	39.3	21.98	2.16	287,311	420,257	495,893
CTG	HOSE	3,723.4	53,989.37	0.00%	14.5	8.64	0.99	252,699	364,646	734,321
GAS	HOSE	1,895.0	202,765.00	0.00%	107.0	17.52	5.55	446,060	446,743	438,905

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,388.77	0.81%	98.5	214.99	4.82	185,529	155,008	339,191
VIC	HOSE	894.2	58,572.75	0.55%	65.5	7.94	3.80	175,108	236,975	527,079
DPM	HOSE	379.9	12,157.90	0.26%	32.0	6.46	1.40	1,005,047	1,099,231	1,457,326
VCB	HOSE	2,317.4	66,278.13	0.20%	28.6	15.15	1.52	360,688	502,644	773,450
STB	HOSE	1,142.5	23,078.73	0.14%	20.2	10.54	1.39	2,141,659	1,514,388	1,134,488
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	0.10%	39.3	21.98	2.16	287,311	420,257	495,893

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.